

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BDT

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ đặc thù của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã cho các tổ chức, cá nhân và các hoạt động cộng đồng của người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ tình hình thực tiễn nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc của địa phương, qua rà soát các nội dung văn bản có liên quan, Ban Dân tộc kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đăng ký đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2022, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT.

1. Cơ sở pháp lý¹.

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc;

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Kế hoạch số 222-KH/TU ngày 03/3/2020 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc.

¹ Ghi theo thứ tự thời gian

- Nghị quyết số 120/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Ban hành chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Sự cần thiết ban hành.

Trong những năm qua, công tác dân tộc đã được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện thông qua việc ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành với các chính sách hỗ trợ tạo điều kiện giúp người dân tộc thiểu số (DTTS) trên địa bàn từng bước phấn đấu vươn lên thoát nghèo; công tác tuyên truyền vận động trong vùng dân tộc thiểu số của tỉnh được quan tâm chú trọng thực hiện đã góp phần giữ ổn định chính trị, an ninh, an toàn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS & MN) trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, việc thực hiện các chính sách hỗ trợ, động viên các tổ chức, cá nhân và các hoạt động cộng đồng của người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện trong thời gian qua thực hiện chưa được thường xuyên và mỗi đơn vị, địa phương thực hiện theo những nội dung, hình thức khác nhau, nhất là trong công tác chi động viên, tranh thủ các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa có quy định chung của cơ quan có thẩm quyền trong bố trí nguồn hỗ trợ đặc thù và trình tự, thủ tục thẩm định, cấp phát, thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ này.

Với tính chất đặc thù của cơ quan làm công tác dân tộc có thể kể đến như:

(1) Về lĩnh vực công tác, cơ quan công tác dân tộc là cơ quan theo dõi, thực hiện nhiệm vụ mang tính đa ngành đa lĩnh vực, giúp UBND các cấp theo thực hiện 11 nhóm nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc với 13 nhóm chính sách dân tộc có liên quan trực tiếp đến 20 sở, ban, ngành và hội đoàn thể của tỉnh;

(2) Về địa bàn công tác của cơ quan công tác dân tộc rộng khắp toàn tỉnh và chủ yếu tập trung ở địa bàn kinh tế xã hội còn khó khăn, đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, cơ sở hạ tầng, trình độ dân trí còn thấp kém, tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số còn cao... là địa bàn xung yếu, nhạy cảm về an ninh, chính trị;

(3) Về đối tượng công tác, ngoài các tổ chức, cá nhân chung như các cơ quan khác trong hệ thống chính trị, đối tượng chủ yếu trong công tác dân tộc là người DTTS trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung và đối với tỉnh Bình Phước nói riêng là gần 200.000 người dân tộc thiểu số (*chiếm tỷ lệ 19,71% dân số cả tỉnh*), sống rải rác ở khắp 11 huyện, thị xã, thành phố, trong đó có 58 xã có từ 30% dân số người DTTS trở lên và mỗi dân tộc có nền văn hóa, ngôn

ngữ, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống riêng và có trình độ phát triển không đều nhau, đa phần là lực lượng yếu thế trong xã hội.

(4) Hệ thống tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức làm công tác dân tộc chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ và thiếu tính ổn định, tỷ lệ cán bộ là người DTTS trong các cơ quan hành chính các cấp còn ít, chưa đảm bảo theo quy định.

Cùng với đó, có thể nói “*vấn đề dân tộc và tôn giáo*” luôn song hành và nhạy cảm trong khi trình độ dân trí, văn hóa của người dân tộc thiểu số so với mặt bằng chung của tỉnh còn thấp, dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng làm ảnh hưởng đến sự ổn định về an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Chính vì thế trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị về công tác tôn giáo, tỉnh đã ban hành Quyết định quy định mức chi hỗ trợ cho các tổ chức tôn giáo và chức sắc, chức việc của các tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh.²

Tuy nhiên, công tác dân tộc lại chưa có văn bản nào quy định nội dung chi hỗ trợ đặc thù như đối với công tác tôn giáo để động viên, tranh thủ các tổ chức, cá nhân³ trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc, nhất là đối với một số nhiệm vụ thường xuyên, cụ thể lập đi lập lại hàng năm, UBND tỉnh vẫn phải có văn bản cho chủ trương đối với từng nội dung đã được nêu cụ thể trong kế hoạch công tác dân tộc hàng năm của UBND tỉnh.

Ngoài ra, với đặc thù ngành thường xuyên đi công tác ở địa bàn vùng dân tộc thiểu số, nơi có điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn, đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, tiếp xúc với những đối tượng, trường hợp cần thực hiện tuyên truyền, vận động, tranh thủ... nhưng do không có quy định về tiêu chuẩn định mức chi hỗ trợ cụ thể đối với các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch dẫn đến cơ quan công tác dân tộc rất bị động và thường phải vận dụng, sử dụng nguồn kinh phí hoạt động eo hẹp của cơ quan công tác dân tộc, kinh phí cá nhân người đi công tác để thực hiện, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc nói chung, trong đó có tầm ảnh hưởng của cơ quan công tác dân tộc nói riêng trong vùng dân tộc thiểu số.

² Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh Bình Phước.

³ Chính sách đối với các cá nhân hiện nay chỉ được cơ quan công tác dân tộc các cấp thực hiện đối với hai nhóm đối tượng cụ thể là: (1) Già làng tiêu biểu quy định tại Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh; (2) Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định về phân công nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện chính sách và vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 1768/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh sửa đổi một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 2473/QĐ-UBND.

Còn các cá nhân không nằm trong danh sách Già làng tiêu biểu, Người có uy tín trong đồng bào DTTS và một số các cơ quan, tổ chức đang hoạt động trong vùng dân tộc thiểu số cần động viên, tranh thủ để thực hiện nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc không được thực hiện do không có văn bản quy định, hoặc mỗi lần thực hiện các hoạt động thăm hỏi, động viên (dù là đã thực hiện thường xuyên theo định kỳ hàng năm) vẫn phải xin chủ trương của UBND tỉnh dẫn đến không mang tính kịp thời, manh mún, nhỏ lẻ, ko đồng nhất và việc gì cũng phải xin và năm nào cũng xin, xin nhiều lần.

Từ những vấn đề nêu trên, để tạo điều kiện thực hiện tốt công tác hỗ trợ, động viên, tranh thủ các tổ chức, cá nhân và đồng bào các dân tộc thiểu số trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc của cơ quan làm công tác dân tộc nói chung trên địa bàn tỉnh hiện nay được đảm bảo thống nhất và đồng bộ.

Ban Dân tộc kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, đăng ký Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung xây dựng “*Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ đặc thù của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã cho các tổ chức, cá nhân và các hoạt động cộng đồng của người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*”.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền các cấp đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Cụ thể hóa công tác thực hiện hỗ trợ, động viên, tranh thủ đối với các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tạo sự chủ động cho cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện thăm hỏi các ngày lễ, tết truyền thống của người DTTS và động viên kịp thời đồng bào DTTS khi gặp thiên tai, hoạn nạn;.... Qua đó, lồng ghép tuyên truyền vận động, nắm thông tin tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng DTTS.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Thực hiện chính sách trên quan điểm: Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giữa các dân tộc.

- Nghị quyết là cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo cơ quan chuyên môn cùng cấp chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc của địa phương.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

Điều 1. Quy định mức chi hỗ trợ đặc thù của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã cho các tổ chức, cá nhân và các hoạt động cộng đồng của người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

- Các đơn vị, tổ chức hoạt động trong vùng dân tộc thiểu số của tỉnh gồm: các Trường Phổ thông dân tộc nội trú, UBND các xã khu vực II, khu vực III vùng DTTS & MN, Ban điều hành các thôn đặc biệt khó khăn, Các Tổ chức tôn

giáo⁴, Ban Tổ chức các hoạt động mang tính cộng đồng của người dân tộc thiểu số⁵,... (sau đây gọi chung là tập thể).

- Anh hùng lao động là người DTTS; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là người DTTS; cán bộ lão thành cách mạng người DTTS; Đảng viên là người DTTS có từ 50 năm tuổi Đảng trở lên; Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Già làng tiêu biểu; Chức sắc, chức việc tôn giáo; người có thành tích tiêu biểu trong triển khai thực hiện công tác dân tộc và người cần động viên, tranh thủ để thực hiện nhiệm vụ chính trị về công tác dân tộc; hộ gia đình người DTTS gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn gây ra. Hộ nghèo và hộ cận nghèo người DTTS trong các dịp lễ, tết truyền thống dân tộc và trong các hoạt động mang tính cộng đồng của người DTTS (sau đây gọi chung là cá nhân).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Mức chi⁶

a) Thăm hỏi, tặng quà chúc mừng nhân dịp tết nguyên đán, các ngày lễ, tết truyền thống đối với từng dân tộc, không quá 02 lần/năm.

- Đối với cấp tỉnh:

+ Đối với Đoàn đi thăm hỏi, tặng quà do Lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh làm Trưởng đoàn, mức chi không quá 10.000.000 đồng/tập thể/lần; không quá 1.000.000 đồng/cá nhân/lần.

+ Đối với Đoàn đi thăm hỏi, tặng quà do Lãnh đạo các sở, ban, ngành và tương đương làm Trưởng đoàn, mức chi không quá 5.000.000 đồng/tập thể/lần; không quá 500.000 đồng/cá nhân/lần.

- Đối với cấp huyện, mức chi không quá 3.000.000 đồng/tập thể/lần; không quá 500.000 đồng/cá nhân/lần.

- Đối với cấp xã, mức chi không quá 2.000.000 đồng/tập thể/lần; không quá 500.000 đồng/cá nhân/lần.

b) Chi hỗ trợ cá nhân, không quá 02 lần/năm khi: cá nhân ốm đau phải nằm bệnh viện điều trị từ 05 ngày trở lên; gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn gây ra hoặc do nhiệm vụ chính trị công tác dân tộc cần thực hiện động viên, tranh thủ.

- Đối với cấp tỉnh, mức chi không quá 2.000.000 đồng/cá nhân/lần.

- Đối với cấp huyện, mức chi không quá 1.000.000 đồng/cá nhân/lần.

⁴ Chùa Nam tông Khmer, Thánh đường Hồi Giáo dân tộc Chăm, một số Ban Trị sự có thành tích tiêu biểu trong hoạt động công tác dân tộc trên địa bàn.

⁵ Ban Tổ chức các Lễ hội truyền thống của người DTTS: Lễ hội phá bàu, Lễ hội mừng lúa mới, Lễ hội lồng tồng,...

⁶ Được tham khảo tại Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh Bình Phước; Quyết định 76/2013/QĐ-TTg ngày 12/12/2013 của Thủ tướng quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng một số đối tượng do UBTWMTTQVN, UBMTTQ cấp tỉnh cấp huyện thực hiện.

- Đối với cấp xã, mức chi không quá 500.000 đồng/cá nhân/lần.

c) Chi thăm viếng, động viên khi cá nhân hoặc thân nhân trong gia đình cá nhân (bố, mẹ, vợ, chồng, con) qua đời.

- Đối với cấp tỉnh, mức chi không quá 1.500.000 đồng/cá nhân/lần.

- Đối với cấp huyện, mức chi không quá 1.000.000 đồng/cá nhân/lần.

- Đối với cấp xã, mức chi không quá 500.000 đồng/cá nhân/lần.

d) Chi biểu dương, khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong công tác dân tộc được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. Tổng mức chi khen thưởng hàng năm không vượt quá 10% tổng kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 điều 1 Nghị quyết này.

e) Chi cho hoạt động đi thăm hỏi, động viên tại các xã, thôn vùng sâu, xa, vùng có đông đồng bào DTTS sinh sống của cơ quan công tác dân tộc các cấp.

- Đối với cấp tỉnh, mức chi không quá 100 triệu đồng/năm.

- Đối với cấp huyện, mức chi không quá 30 triệu đồng/năm.

- Đối với cấp xã, mức chi không quá 15 triệu đồng/năm.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách thực hiện theo phân cấp ngân sách, và được đưa vào dự toán chi hàng năm của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ vào nội dung, mục tiêu, đối tượng thụ hưởng các chính sách hỗ trợ đặc thù được nêu trong Nghị quyết này, ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện chính sách đặc thù nêu trên, thực hiện theo phân cấp ngân sách và dự kiến mỗi năm sẽ tăng khoảng 10% so với năm 2021⁷, phù hợp với tình hình thực tế cân đối ngân sách của địa phương.

⁷ Trong năm 2021, UBND tỉnh đã thuận chủ trương cho Ban Dân tộc tỉnh thực hiện các hoạt động thăm hỏi động viên, tranh thủ phục vụ yêu cầu nhiệm vụ công tác dân tộc với tổng kinh phí được duyệt là 500 triệu đồng.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA

- Dự kiến hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy trình tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và trình Hội đồng nhân dân tỉnh (Khóa IX) thông qua vào kỳ họp cuối năm 2022.

VII. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ

Không có.

Trên đây là nội dung đăng ký đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2022, Ban Dân tộc kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Trưởng ban, PTB;
- Các phòng CM;
- Trang TTĐT Ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSĐT.

TRƯỞNG BAN